

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 10 - 2021

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Anh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thanh Hùng

Bà Vũ Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Chuang L, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: hẻm T, lộ T, Khóm 08, phường T, khu Thái Bình, thành phố Đ, Đài Loan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2020, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D trình bày: Chị và anh Chuang L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu ngày 09/01/2019 và được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh Chuang L chung sống với nhau được khoảng 01 tuần tại thành phố Hồ Chí Minh thì anh Chuang L về Đài Loan. Đến tháng 6 năm 2019 chị sang Đài Loan sống chung với anh Chuang L

được 04 tháng thì chị về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến việc chị xin ly hôn là do trong thời gian chung sống, anh Chuang L không quan tâm đến chị, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị không thể tiếp tục chung sống với anh Chuang L nên chị bỏ về Việt Nam, mặc dù anh Chuang L có liên lạc khuyên chị sang Đài Loan để chung sống với anh Chuang L, nhưng chị không đồng ý. Từ tháng 3 năm 2020 đến nay, chị và anh Chuang L không còn liên lạc với nhau và anh Chuang L cũng không sang Việt Nam thăm chị nữa, mỗi người ở một nơi nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Chuang L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ: Chị Lê Thị Ngọc D xác định, vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Chuang L: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Ngày 02/11/2020, Bộ Tư pháp có Văn bản số 2735/BTP-PLQT về kết quả ủy thác đối với anh Chuang L với nội dung: *“Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do: Địa chỉ không chính xác”*. Sau đó, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thủ tục yêu cầu cơ quan đại diện của Việt Nam tại Đài Bắc thông báo trên cổng thông tin điện tử đối với anh Chuang L về thời gian tham gia phiên họp và phiên tòa xét xử. Theo Công điện số 010-2021/CD-LS ngày 25/02/2021 của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc về việc ủy thác tư pháp đối với anh Chuang L có nội dung: *“...Văn phòng thực hiện niêm yết trên cổng thông tin điện tử. Cho đến nay, Văn phòng không nhận được phản hồi nào từ bị đơn”*.

Đến ngày mở phiên họp và phiên tòa, Tòa án cũng không nhận được văn bản trả lời của anh Chuang L về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa anh Chuang L với chị Lê Thị Ngọc D và anh Chuang L cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo thông báo của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Ngọc D và anh Chuang L có đăng ký kết hôn tại UBND huyện V, nay chị D xác định vợ chồng không còn tình cảm, cả

hai điều không thể đoàn tụ được với nhau do mỗi người sống ở một quốc gia. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc D, xử cho chị Lê Thị Ngọc D được ly hôn với anh Chuang L. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Bị đơn anh Chuang L là người nước ngoài, có quốc tịch Đài Loan và có nơi cư trú tại: hẻm T, lộ T, Khóm 08, phường T, khu Thái Bình, thành phố Đ, Đài Loan, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử đối với anh Chuang L theo quy định của pháp luật, nhưng không nhận được ý kiến phản hồi của anh Chuang L và anh Chuang L cũng không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo thông báo của Tòa án, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với anh Chuang L.

[2.3] Đối với nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D, ngày 12/01/2021 chị D đã có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị D là phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị Ngọc D.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Ngọc D và anh Chuang L, Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh Chuang L kết hôn trên tinh thần tự nguyện, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 09/01/2019. Do đó, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ.

[3.2] Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị Lê Thị Ngọc D, có cơ sở xác định, sau khi kết hôn chị D và anh Chuang L chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn, anh chị không còn liên lạc với nhau, cả hai đã không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đến nay anh Chuang L không sang Việt Nam để vợ chồng đoàn tụ và chị D cũng không thể sang Đài Loan, nay chị D

xác định hôn nhân của chị và anh Chuang L không thể hàn gắn để chung sống với nhau được nữa và yêu cầu ly hôn. Đối với anh Chuang L, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp nhưng không nhận được văn bản nêu ý kiến của anh Chuang L đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[3.3] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, theo đó thì giữa chị Lê Thị Ngọc D và anh Chuang L đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện nay chị D và anh Chuang L không còn liên lạc với nhau, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi và không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc D, cho chị Lê Thị Ngọc D được ly hôn với anh Chuang L.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Theo chị Lê Thị Ngọc D xác định chị và anh Chuang L không có con chung, tài sản chung và nợ chung, khi ly hôn chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp, chị Lê Thị Ngọc D phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc D với anh Chuang L.

Xử cho chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1998 được ly hôn với anh Chuang L, sinh năm 1983.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Ngọc D xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị Lê Thị Ngọc D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0014828 ngày 19/5/2020, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Lê Thị Ngọc D phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), chị Lê Thị Ngọc D đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0014860 ngày 09/6/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu đã chuyển thu lệ phí, không được hoàn lại.

Chị Lê Thị Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết; anh Chuang L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện V;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đường sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Bùi Anh Tuấn**